

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-PT
Ngày: 13-02-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 554/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Tôn Thị R, sinh năm 1977;

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: 106B, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T - Bị đơn.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-6-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn

bà Nguyễn Thị S trình bày:

Từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 02 năm 2021 bà S có tham gia một số dây hụi do bà Tôn Thị R làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây hụi tháng 5.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần, mở lần đầu là ngày 26-4-2020 âm lịch (AL) đến ngày 26-7-2022 là mãn hụi, có 28 phần. Bà S tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là chị 8 S. Bà S đóng hụi đến ngày 26-01-2021 được 10 lần hụi sống với tổng số tiền gốc là 33.220.000 đồng. Đến tháng 02 năm 2021 thì bà R thông báo ngừng dây hụi này và viết biên nhận sẽ trả lại tiền vốn cho bà S.

- 05 dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần, mở cùng ngày 19-12-2019 (AL) đến ngày 19-10-2021(AL) là mãn hụi, mỗi dây có 24 phần. Bà S tham gia 05 dây, mỗi dây 01 phần, tên trong danh sách hụi là chị 8 S và Nhung (là tên con bà S) nhưng bà S là người trực tiếp tham gia. Bà S đóng hụi đến ngày 19-02-2021 được 16 lần hụi sống mỗi dây với tổng số tiền gốc là 53.725.000 đồng. Đến tháng 3 năm 2021 thì bà R thông báo ngừng các dây hụi này và viết biên nhận sẽ trả lại cho bà S tổng số tiền 58.500.000 đồng (gồm có tiền vốn và tiền lãi tương ứng với số lần đóng hụi sống, đồng thời có trừ tiền hoa hồng của chủ thảo).

Theo đơn khởi kiện, bà S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng giải quyết buộc bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S tiền gốc của các dây hụi bà R làm đầu thảo nói trên với tổng số tiền 86.945.000 đồng (gồm tiền vốn dây hụi 5.000.000 đồng là 33.220.000 đồng và tiền vốn 05 dây hụi 1.000.000 đồng là 53.725.000 đồng), bà S không yêu cầu trả lãi. Tuy nhiên, tại phiên Tòa sơ thẩm bà S cho rằng mặc dù bà đã đóng tiền vốn cho bà R dây hụi 5.000.000 đồng là 33.220.000 đồng như những hụi viên khác cùng chơi dây hụi này, nhưng trong biên nhận nợ bà R chỉ ghi số tiền vốn là 32.990.000 đồng thì bà S chỉ yêu cầu bà R và ông T trả cho bà dây hụi trên với số tiền đã thừa nhận. Như vậy, tổng số tiền vốn của các dây hụi bà S yêu cầu bà R, ông T trả là 86.715.000 đồng.

Lý do bà S yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà R trả nợ là vì ông Nguyễn Văn T và bà Tôn Thị R là vợ chồng hợp pháp, thời điểm bà R làm đầu thảo các dây hụi hai vợ chồng vẫn còn chung sống, cùng làm chung và chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình. Bà R làm thảo hụi trong một khoảng thời gian dài ông T đều biết. Thu nhập có được từ việc làm thảo hụi bà R dùng để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Bị đơn bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-

CP ngày 19-02-2019 quy định về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S tổng số tiền 86.715.000 (tám mươi sáu triệu bảy trăm mười lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, bị đơn bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của các bị đơn được làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Biên nhận kết sổ nợ hội, bà R thừa nhận có thiếu bà S dây hội tháng 5.000.000 đồng với số tiền 32.990.000 đồng; 05 dây hội tháng 1.000.000 đồng, bà R còn thiếu bà S 58.500.000 đồng. Số tiền hội bà R dùng vào sinh hoạt thiết yếu của gia đình. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S tổng số tiền 86.715.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R và ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bị đơn bà R và ông T đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị S yêu cầu bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng số tiền vốn hội đã góp của 06 dây hội bà S tham gia do bà R làm chủ thảo là 86.715.000 đồng, thấy rằng:

[4] Theo tập quán tại địa phương thì việc tham gia hợp đồng góp hụi sẽ do chủ thảo chịu trách nhiệm tập hợp các hụi viên, việc góp tiền và nhận tiền hụi chủ yếu dựa vào niềm tin và uy tín, danh sách hụi viên do chủ hụi ghi theo tên thường gọi hoặc tên người thân trong gia đình mà không ghi đầy đủ thông tin cá nhân, việc gom hụi và giao hụi này sẽ do chủ thảo hụi theo dõi và chịu trách nhiệm, chủ thảo sẽ được hụi viên trả hoa hồng. Chủ hụi phải có sổ theo dõi và nắm danh sách các hụi viên tham gia từng dây hụi. Còn các hụi viên thường không biết tất cả các thành viên trong cùng một dây hụi.

[5] Bà R là chủ thảo hụi phải có trách nhiệm cung cấp sổ sách để đối chiếu về số tiền hụi mà từng hụi viên đã góp khi các bên phát sinh tranh chấp nhưng bị đơn đã không thực hiện mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[6] Bà S cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là “Biên nhận kết sổ nợ hụi” do bà R ghi cho bà S, trong đó có thể hiện nội dung bà R tính toán xác nhận có nợ bà S 05 dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 19-12-2019 là 05 phần với số tiền sau khi trừ hụi sống, hụi chết, tiền hoa hồng chủ thảo còn lại là 58.500.000 đồng và tiền vốn dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 26-4-2020 còn nợ bà S tiền vốn góp là 32.990.000 đồng.

[7] Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà S chỉ yêu cầu bà R, ông T trả lại tiền vốn đã đóng của 05 dây hụi tháng là 53.725.000 đồng. Đối với nợ hụi 5.000.000 đồng ngày 26-4-2020 bà S yêu cầu bà R và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền vốn là 32.990.000 đồng. Xét thấy, việc bà S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là quyền tự định đoạt của đương sự, có lợi cho bị đơn và yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ.

[8] Bà R cho rằng bà S đồng ý cán trừ 2.000.000 đồng của bà Cẩm Linh (thông gia với bà S) trong số tiền 38.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, nếu có tranh chấp giữa bà R với bà Cẩm Linh sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn T. Nhận thấy, ông Nguyễn Văn T và bà Tôn Thị R là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01, đăng ký ngày 31-3-2006 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An) vợ chồng vẫn sống chung, có 02 con chung, có tài sản chung và cùng làm kinh tế gia đình chung cho đến khi bị khởi kiện; đồng thời, việc bà R làm thảo hụi trong thời gian dài ông T đều biết và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà R sử dụng số tiền có được từ việc làm thảo hụi để tiêu xài cá nhân. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà R sử dụng để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên đây là nợ chung của bà R và ông T. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T phải có trách nhiệm liên đới với bà R trả nợ là có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[10] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S tổng số tiền hội 86.715.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 quy định về hội họ, biêu, phường. Bà R và ông T kháng cáo yêu cầu xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do ông T không đồng ý liên đới trả nợ và bà R không đồng ý trả số tiền hội 86.715.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R và ông T là có căn cứ.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà R và ông T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng;

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 quy định về hội, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Buộc bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S tổng số tiền hội 86.715.000 (tám mươi sáu triệu bảy trăm mười lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu 4.336.000 (bốn triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Tôn Thị R và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 0003794; số 0003796 cùng ngày 31-10-2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Hưng để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

